| | |
|---|---|
| **TAND HUYỆN LỤC NAM**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày 17/03/2022
*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị N với anh B.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Huân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hoan
2. Ông Nguyễn Hữu Huân

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Sơn-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 350/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1984 (có mặt).
Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

*2. Bị đơn:* Anh Phạm Văn B, sinh năm 1981 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày: Năm 2018 được sự đồng ý của hai gia đình, chị và anh Phạm Văn B đã tổ chức đám cưới. Trước khi kết hôn chị và anh B có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện Lục Nam. Sau đám cưới, chị về chung sống cùng anh B Ny. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì nẩy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau, nhiều lần còn dẫn tới đánh nhau. Nguyên nhân do anh B không chịu lao động, thường xuyên say rượu.

Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị ở từ tháng 09/2020. Từ đó chị và anh B sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh B đã hết, không thể đoàn tụ gia đình được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn B.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn B sinh được 01 con chung là Phạm Minh X, sinh năm 2018 đang ở với anh B, cháu vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ly hôn, chị để anh B nuôi con. Cấp dưỡng nuôi con, chị tự thỏa thuận với anh B.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Phạm Văn B trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn; thời gian vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ như chị N trình bày. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng là do chị N ngoại tình. Anh xác đình tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N đã hết, chị N xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Đỗ Thị N sinh được 01 con chung là Phạm Minh X, sinh ngày 23/08/2018 đang ở với anh, cháu vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ly hôn, anh có nguyện vọng được tiếp tục được nuôi con. Anh yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh làm nghề cơ khí, thu nhập khoảng từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ/tháng, cao điểm có tháng anh thu nhập 15.000.000đ. Anh đủ điều kiện để chăm sóc con anh trưởng thành.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Đỗ Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn B; giao con chung cho anh B nuôi; chị N phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.]. Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, anh Phạm Văn B vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị N kết hôn với anh Phạm Văn B trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Lục Nam tại số 72 ngày 30/08/2018, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau đám cưới chị N về chung sống cùng anh B Ny. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó

nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị Đỗ Thị N và anh Phạm Văn B sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan X đến ai. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị Đỗ Thị N và anh Phạm Văn B đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị N xin ly hôn, anh B đồng ý nên cần chấp nhận cho chị Đỗ Thị N ly hôn với anh Phạm Văn B.

[3]. Về con chung: Chị Đỗ Thị N và anh Phạm Văn B sinh được con chung là Phạm Minh X, sinh ngày 31/08/2018. Ly hôn anh B có nguyện vọng được nuôi con, chị N đồng ý. Vì vậy giao cháu Phạm Minh X cho anh Phạm Văn B nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn B yêu cầu chị Đỗ Thị N cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng; tại phiên tòa, chị N không đồng ý. Xét điều kiện kinh tế của chị N còn khó khăn, chị N cũng đang phải nuôi một con riêng sinh năm 2009. Tuy nhiên, chị N cũng phải có trách nhiệm nuôi con chung cùng anh B. Vì vậy, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của anh B, buộc chị N phải cấp dưỡng nuôi con cho anh B là 1.000.000đ/tháng, kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

*1. Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Đỗ Thị N ly hôn với anh Phạm Văn B.

*2. Về con chung:* Giao cho anh Phạm Văn B nuôi con là Phạm Minh X, sinh ngày 31/08/2018. Chị Đỗ Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị Đỗ Thị N phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Phạm Văn B 1.000.000đ/tháng, kể từ ngày tuyên án (17/02/2022) cho đến khi cháu Phạm Minh X đủ 18 tuổi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*3. Về án phí:* Chị Đỗ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0013353 ngày 04/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Chị Đỗ Thị N phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

*4. Về kháng cáo:* Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- *Các đương sự;*
- *VKSND cùng cấp;*
- *VKSND tỉnh;*
- *Chi cục THADS cùng cấp;*
- *Ủy ban nhân dân xã S;*
- *Lưu hồ sơ, v/p.*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Huân**